

Số: 1020/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp học bổng Khuyến khích học tập đối với sinh viên
Học kỳ I, năm học 2021 - 2022.**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của BGD&ĐT về học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV các trường chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của BGD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 2, Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với HSSV hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 1605/QĐ-ĐHHĐ ngày 08/10/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về việc chuẩn y mức cấp học bổng Khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy năm học 2020-2021; Quyết định số 1606/QĐ-ĐHHĐ ngày 08/10/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về việc chuẩn y mức cấp học bổng Khuyến khích học tập đối với sinh viên 04 ngành đào tạo chất lượng cao năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHHĐ ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, kết luận của Chủ trì Hội nghị họp xét cấp học bổng KKHT và đánh giá KQRL học kỳ I năm học 2021-2022, họp ngày 06/4/2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng GDCT& Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuẩn y danh sách cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2021-2022 đối với 517 sinh viên: (Có tên và danh sách kèm theo).

Điều 2. Học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2021-2022 được cấp 05 tháng (từ tháng 9/2021 đến tháng 01/2022) với tổng số tiền là 371.285.000đ/tháng (Ba trăm bảy mươi triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Nhà trường (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Các lớp sinh viên;
- Lưu: VT, P. GDCT&CT HSSV

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Hoàng Bá Huyền

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1020 /QĐ-ĐHHĐ ngày 19 / 5/2022 của Hiệu trưởng)

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
1	1861010004	Lê Thủy An	K21 ĐHSP Toán	3,93	93	Xuất sắc	785.000	
2	1861020004	Vũ Lê Chi	K21 ĐHSP Vật lý	4,00	98	Xuất sắc	785.000	
3	186101CLC01	Lê Thị Phương Ngọc	K21 ĐHSP Toán CLC	3,94	80	Giỏi	735.000	
4	1961010003	Quản Thị Diễm	K22 ĐHSP Toán	3,53	93	Giỏi	735.000	
5	196101CLC01	Hoàng Kim Anh	K22 ĐHSP Toán CLC	3,35	91	Giỏi	735.000	
6	196101CLC04	Đặng Thị Hồng Liên	K22 ĐHSP Toán CLC	3,47	90	Giỏi	735.000	
7	196101CLC03	Lê Thị Chung	K22 ĐHSP Toán CLC	3,24	88	Giỏi	735.000	
8	196101CLC06	Đặng Văn Phong	K22 ĐHSP Toán CLC	3,24	90	Giỏi	735.000	
9	196101CLC07	Lê Thị Thu	K22 ĐHSP Toán CLC	3,35	84	Giỏi	735.000	
10	206101CLC01	Lê Thị Phương Anh	K23 ĐHSP Toán CLC	3,55	87	Giỏi	735.000	
11	206101CLC04	Lê Thanh Hải	K23 ĐHSP Toán CLC	3,86	93	Xuất sắc	785.000	
12	206101CLC11	Bùi Thị Nguyệt	K23 ĐHSP Toán CLC	3,23	82	Giỏi	735.000	
13	206101CLC03	Đỗ Lê An Dương	K23 ĐHSP Toán CLC	3,24	80	Giỏi	735.000	
14	206101CLC09	Nguyễn Thị Lê	K23 ĐHSP Toán CLC	3,82	90	Xuất sắc	785.000	
15	206101CLC10	Nguyễn Hoài Linh	K23 ĐHSP Toán CLC	3,64	91	Xuất sắc	785.000	
16	206101CLC14	Nguyễn Văn Tuấn	K23 ĐHSP Toán CLC	3,82	91	Xuất sắc	785.000	
17	206101CLC15	Lê Trịnh Thảo Vi	K23 ĐHSP Toán CLC	3,73	91	Xuất sắc	785.000	
18	206101CLC02	Đặng Thị Linh Chi	K23 ĐHSP Toán CLC	3,55	82	Giỏi	735.000	
19	206101CLC06	Lê Thị Thu Hiền	K23 ĐHSP Toán CLC	3,68	90	Xuất sắc	785.000	
20	206101CLC13	Nguyễn Thị Thủy	K23 ĐHSP Toán CLC	3,59	82	Giỏi	735.000	
21	206101CLC12	Thiều Thị Thảo	K23 ĐHSP Toán CLC	3,36	82	Giỏi	735.000	
22	206101CLC05	Đỗ Thị Hiền	K23 ĐHSP Toán CLC	3,45	82	Giỏi	735.000	
23	206102CLC03	Vũ Trịnh Văn Anh	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,89	93	Xuất sắc	785.000	
24	206102CLC10	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,29	86	Giỏi	735.000	
25	206102CLC13	Trần Hồng Thắm	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,63	90	Xuất sắc	785.000	
26	206102CLC08	Nguyễn Trà My	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,47	93	Giỏi	735.000	
27	206102CLC02	Mai Ngọc Anh	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,34	83	Giỏi	735.000	
28	206102CLC11	Nguyễn Thị Như Quỳnh	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,53	85	Giỏi	735.000	
29	206102CLC09	Lê Thị Kim Ngân	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,42	83	Giỏi	735.000	
30	206102CLC05	Nguyễn Thị Mai	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,24	86	Giỏi	735.000	
31	206102CLC04	Hoàng Thị Hằng	K23 ĐHSP Vật Lý CLC	3,74	90	Xuất sắc	785.000	
32	2061010017	Nguyễn Thị Thu Hường	K23 ĐHSP Toán	3,83	91	Xuất sắc	785.000	
33	2061010016	Nguyễn Thảo Hương	K23 ĐHSP Toán	3,87	87	Giỏi	735.000	
34	2061010031	Dương Thị Ánh Nguyệt	K23 ĐHSP Toán	3,8	98	Xuất sắc	785.000	
35	2061010046	Nguyễn Thị Trang	K23 ĐHSP Toán	3,63	91	Xuất sắc	785.000	
36	2062010004	Trần Thị Phương Hoa	K23 ĐHSP Hóa	3,41	85	Giỏi	735.000	
37	216102CLC01	Đỗ Thùy Anh	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,47	85	Giỏi	735.000	
38	216102CLC02	Nguyễn Lan Anh	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,75	85	Giỏi	735.000	
39	216102CLC03	Nguyễn Xuân Đức Anh	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,47	91	Giỏi	735.000	
40	216102CLC04	Hoàng Khắc Bắc	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,5	85	Giỏi	735.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
41	216102CLC05	Nguyễn Khánh Chi	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	4	85	Giỏi	735.000	
42	216102CLC06	Lê Thị Dịu	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,44	90	Giỏi	735.000	
43	216102CLC07	Lương Thị Hà	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,61	87	Giỏi	735.000	
44	216102CLC08	Lê Thị Hậu	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,64	88	Giỏi	735.000	
45	216102CLC10	Đỗ Thị Huệ	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,67	88	Giỏi	735.000	
46	216102CLC11	Nguyễn Thùy Linh	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,92	90	Xuất sắc	785.000	
47	216102CLC12	Đỗ Thị Ngọc Mai	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,64	90	Xuất sắc	785.000	
48	216102CLC14	Đỗ Thị Thảo	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,53	85	Giỏi	735.000	
49	216102CLC16	Nguyễn Thị Hải Vân	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,92	91	Xuất sắc	785.000	
50	216102CLC17	Lê Thị Hải Yến	K24 ĐHSP Vật Lý CLC	3,61	88	Giỏi	735.000	
51	2161020006	Nguyễn Thị Minh Châu	K24 ĐHSP Vật lý	3,5	91	Giỏi	735.000	
52	2161020007	Lê Tùng Chi	K24 ĐHSP Vật lý	3,56	90	Giỏi	735.000	
53	2161020010	Phạm Bá Hào	K24 ĐHSP Vật lý	3,39	80	Giỏi	735.000	
54	2163000013	Vũ Thanh Thảo	K24 ĐHSP Sinh học	3,63	98	Xuất sắc	785.000	
55	2162010016	Lê Thị Mai	K24 ĐHSP Hóa học	3,41	81	Giỏi	735.000	
56	2162010022	Lê Văn Nghĩa	K24 ĐHSP Hóa học	3,56	81	Giỏi	735.000	
57	2162010028	Lê Thị Quý	K24 ĐHSP Hóa học	3,41	87	Giỏi	735.000	
58	216101CLC01	Dương Lan Anh	K24 ĐHSP Toán CLC	3,87	85	Giỏi	735.000	
59	216101CLC03	Nguyễn Ngọc Duy	K24 ĐHSP Toán CLC	3,68	85	Giỏi	735.000	
60	216101CLC04	Nguyễn Thị Minh Hằng	K24 ĐHSP Toán CLC	3,79	91	Xuất sắc	785.000	
61	216101CLC05	Trương Thị Hào	K24 ĐHSP Toán CLC	3,63	85	Giỏi	735.000	
62	216101CLC06	Hà Thị Thu Huế	K24 ĐHSP Toán CLC	3,55	85	Giỏi	735.000	
63	216101CLC08	Lê Thị Mai Hương	K24 ĐHSP Toán CLC	3,58	91	Giỏi	735.000	
64	216101CLC09	Hoàng Thị Lan	K24 ĐHSP Toán CLC	3,37	83	Giỏi	735.000	
65	216101CLC12	Lê Vũ Lê Na	K24 ĐHSP Toán CLC	3,79	85	Giỏi	735.000	
66	216101CLC13	Lê Thúy Thanh	K24 ĐHSP Toán CLC	3,47	83	Giỏi	735.000	
67	216101CLC14	Trần Thiện Thanh	K24 ĐHSP Toán CLC	3,61	91	Xuất sắc	785.000	
68	216101CLC15	Bùi Thị Thùy	K24 ĐHSP Toán CLC	3,21	83	Giỏi	735.000	
69	216101CLC16	Nguyễn Thị Thúy	K24 ĐHSP Toán CLC	3,53	91	Giỏi	735.000	
70	216101CLC17	Lê Thị Trang	K24 ĐHSP Toán CLC	3,58	85	Giỏi	735.000	
71	216101CLC18	Trần Ngọc Mai Trang	K24 ĐHSP Toán CLC	3,63	85	Giỏi	735.000	
72	216101CLC10	Lê Văn Khánh Linh	K24 ĐHSP Toán CLC	3,55	83	Giỏi	735.000	
73	216101CLC20	Nguyễn Thị Vân	K24 ĐHSP Toán CLC	3,84	91	Xuất sắc	785.000	
74	2161010009	Nguyễn Công Bằng	K24 ĐHSP Toán	3,61	82	Giỏi	735.000	
75	2161010031	Lê Thị Nguyệt	K24 ĐHSP Toán	3,68	80	Giỏi	735.000	
76	2161010049	Lê Việt Tùng	K24 ĐHSP Toán	3,63	85	Giỏi	735.000	
77	2161010042	Đỗ Diệp Anh Thư	K24 ĐHSP Toán	3,74	83	Giỏi	735.000	
78	186601CLC02	Lê Thị Ngọc Ánh	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	4.00	90	Xuất sắc	785.000	
79	186601CLC07	Nguyễn Thế Nam	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	4.00	98	Xuất sắc	785.000	
80	186601CLC03	Hồ Thị Hoa	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,94	90	Xuất sắc	785.000	
81	186601CLC06	Hà Thị Linh	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,92	90	Xuất sắc	785.000	
82	186601CLC09	Lâm Thị Thu Thảo	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,92	90	Xuất sắc	785.000	
83	186601CLC10	Phạm Thị Thu Thương	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,92	90	Xuất sắc	785.000	
84	186601CLC05	Cao Khánh Huyền	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,92	90	Xuất sắc	785.000	
85	186601CLC04	Trịnh Thị Bích Hồng	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,81	90	Xuất sắc	785.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
86	186601CLC01	Hoàng Mai Anh	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,81	90	Xuất sắc	785.000	
87	186601CLC08	Hà Văn Nghiệp	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,75	90	Xuất sắc	785.000	
88	186601CLC11	Nguyễn Văn Tùng	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,72	90	Xuất sắc	785.000	
89	1866010007	Nguyễn Thị Lệ	K21 ĐHSP Ngữ Văn	3,89	90	Xuất sắc	785.000	
90	186602CLC03	Trịnh Đình Duy	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	4,00	93	Xuất sắc	785.000	
91	186602CLC01	Lương Thị Chiêu	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	4,00	90	Xuất sắc	785.000	
92	186602CLC07	Vũ Đức Nguyên	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	4,00	92	Xuất sắc	785.000	
93	186602CLC04	Lê Thị Hiền	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	4,00	98	Xuất sắc	785.000	
94	186602CLC02	Phạm Đình Dương	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	3,85	98	Xuất sắc	785.000	
95	186602CLC09	Hà Thị Thùy	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	3,85	94	Xuất sắc	785.000	
96	186602CLC05	Nguyễn Thị Hiền	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	3,74	92	Xuất sắc	785.000	
97	186602CLC06	Lê Thị Hương	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	3,79	92	Xuất sắc	785.000	
98	186602CLC10	Phạm Thị Trang	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	3,79	90	Xuất sắc	785.000	
99	186602CLC12	Lê Thị Khánh Vân	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	3,47	90	Giỏi	735.000	
100	1866030009	Mai Kiều Oanh	K21 ĐHSP Địa lí	3,80	95	Xuất sắc	785.000	
101	1869080015	Lê Hương Ly	K21 ĐH Du Lịch	3,80	91	Xuất sắc	785.000	
102	1869080021	Nguyễn Huyền Thương	K21 ĐH Du Lịch	3,70	91	Xuất sắc	785.000	
103	1866060001	Vũ Thị Duyên	K21 ĐH Việt Nam học	3,87	91	Xuất sắc	785.000	
104	1869070005	Nguyễn Thị Huyền Trang	K21 ĐH QLTN-MT	3,64	90	Xuất sắc	785.000	
105	1966030005	Lê Thị Thùy Linh	K22 ĐHSP Địa lí	3,93	96	Xuất sắc	785.000	
106	1969080022	Nguyễn Thị Thúy Hường	K22 ĐH Du lịch	3,83	92	Xuất sắc	785.000	
107	196602CLC03	Mai Ngọc Dịu	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	4,00	95	Xuất sắc	785.000	
108	196602CLC16	Nguyễn Thị Sâm	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,78	91	Xuất sắc	785.000	
109	196602CLC10	Cao Thị Linh	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,78	91	Xuất sắc	785.000	
110	196602CLC12	Hà Thị Nhung	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,72	91	Xuất sắc	785.000	
111	196602CLC22	Phạm Tuấn Vinh	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,72	90	Xuất sắc	785.000	
112	196602CLC19	Bùi Thị Thúy	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,89	90	Xuất sắc	785.000	
113	186602CLC08	Nguyễn Thị Thủy	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,67	90	Xuất sắc	785.000	
114	196602CLC01	Lê Quỳnh Anh	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,67	91	Xuất sắc	785.000	
115	196602CLC17	Hồ Sỹ Sơn	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	4,00	92	Xuất sắc	785.000	
116	196602CLC20	Lê Thị Thủy	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,56	86	Giỏi	735.000	
117	196602CLC13	Lê Thị Nhung	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,89	90	Xuất sắc	785.000	
118	196602CLC08	Lang Thị Ngọc Huyền	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,83	97	Xuất sắc	785.000	
119	196602CLC18	Lê Thị Phương Thảo	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,44	86	Giỏi	735.000	
120	196602CLC04	Bùi Thị Duyên	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,61	91	Xuất sắc	785.000	
121	196602CLC15	Vũ Đình Quý	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,33	95	Giỏi	735.000	
122	196602CLC09	Vì Thị Huyền	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,72	90	Xuất sắc	785.000	
123	196602CLC02	Nguyễn Thị Ánh	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,78	90	Xuất sắc	785.000	
124	196602CLC05	Lê Thị Hậu	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,78	90	Xuất sắc	785.000	
125	196602CLC14	Lê Hoài Phương	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,56	88	Giỏi	735.000	
126	196602CLC23	Hà Thị Mai Huyền	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,5	88	Giỏi	735.000	
127	196602CLC11	Lê Thị Loan	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,44	85	Giỏi	735.000	
128	196602CLC06	Vũ Thị Hiền	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3,33	83	Giỏi	735.000	
129	196601CLC06	Hoàng Thị Hoa	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,83	91	Xuất sắc	785.000	
130	196601CLC08	Trần Thị Lan	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,83	92	Xuất sắc	785.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
131	196601CLC14	Phạm Ngọc Thái Sơn	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,83	95	Xuất sắc	785.000	
132	196601CLC13	Đặng Ngọc Quỳnh	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,78	90	Xuất sắc	785.000	
133	196601CLC02	Lê Thị Hồng Ánh	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,78	98	Xuất sắc	785.000	
134	196601CLC10	Lê Thị Mai Linh	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,78	90	Xuất sắc	785.000	
135	196601CLC17	Nguyễn Thị Duyên	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,78	90	Xuất sắc	785.000	
136	196601CLC09	Lê Khánh Linh	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,72	98	Xuất sắc	785.000	
137	196601CLC07	Nguyễn Thị Huyền	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,67	93	Xuất sắc	785.000	
138	196601CLC15	Nguyễn Kiều Trang	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,67	90	Xuất sắc	785.000	
139	196601CLC03	Lê Thị Thanh Bình	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,61	90	Xuất sắc	785.000	
140	196601CLC05	Tô Thị Duyên	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,50	90	Giỏi	735.000	
141	196601CLC01	Hoàng Hoài Anh	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,44	90	Giỏi	735.000	
142	1966010006	Nguyễn Thị Loan	K22 ĐHSP Ngữ Văn	3,60	92	Xuất sắc	785.000	
143	2066010025	Nguyễn Thị Thùy Linh	K23 ĐHSP Ngữ Văn	3,72	92	Xuất sắc	785.000	
144	2066010018	Lê Việt Hùng	K23 ĐHSP Ngữ Văn	3,61	92	Xuất sắc	785.000	
145	2066010036	Cao Lê Hồng Nhung	K23 ĐHSP Ngữ Văn	3,75	90	Xuất sắc	785.000	
146	2066010026	Lê Thùy Linh	K23 ĐHSP Ngữ Văn	3,58	87	Giỏi	735.000	
147	2066030010	Tào Đỗ Phương Nhâm	K23 ĐHSP Địa lí	3,44	91	Giỏi	735.000	
148	206601CLC13	Lê Thị Thanh Trà	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,84	95	Xuất sắc	785.000	
149	206601CLC10	Hà Thị Minh Thảo	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,74	90	Xuất sắc	785.000	
150	206601CLC05	Nguyễn Thùy Linh	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,68	95	Xuất sắc	785.000	
151	206601CLC14	Hà Thị Trang	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,61	90	Xuất sắc	785.000	
152	206601CLC11	Lương Thị Thảo	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,53	90	Giỏi	735.000	
153	206601CLC03	Ngân Thị Huệ	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,47	92	Giỏi	735.000	
154	206601CLC09	Vi Thị Sáng	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,39	90	Giỏi	735.000	
155	206601CLC06	Lộc Thị Nhi	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,24	88	Giỏi	735.000	
156	206601CLC08	Vi Thị Quang	K23 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,21	88	Giỏi	735.000	
157	02069080010	Đinh Thị Dung	K23 ĐH Du lịch	3,35	87	Giỏi	735.000	
158	216601CLC01	Bùi Thị Ngọc Anh	K24 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,25	85	Giỏi	735.000	
159	216601CLC03	Nguyễn Thị Huyền Diệu	K24 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,41	81	Giỏi	735.000	
160	216601CLC05	Trương Thị Hợp	K24 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,31	85	Giỏi	735.000	
161	216601CLC06	Bùi Thị Khánh Huyền	K24 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,34	85	Giỏi	735.000	
162	216601CLC07	Hà Thị Khánh Huyền	K24 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,22	85	Giỏi	735.000	
163	216601CLC08	Lê Thùy Linh	K24 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,41	85	Giỏi	735.000	
164	216601CLC14	Phạm Thị Phương Thành	K24 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3,50	89	Giỏi	735.000	
165	2166010010	Nguyễn Thị Huệ	K24 ĐHSP Ngữ văn	3,47	83	Giỏi	735.000	
166	2166010007	Nguyễn Thị Ngọc Hà	K24 ĐHSP Ngữ văn	3,31	83	Giỏi	367.500	1 xuất/2sv
167	2166010020	Nguyễn Thị Minh Ngọc	K24 ĐHSP Ngữ văn	3,31	83	Giỏi	367.500	
168	2166030020	Phùng Thị Kim Oanh	K24 ĐHSP Địa lí	3,21	86	Giỏi	735.000	
169	2166030024	Nguyễn Thị Quỳnh	K24 ĐHSP Địa lí	3,21	89	Giỏi	735.000	
170	2169080035	Chu Thị Quỳnh Trang	K24 ĐH Du lịch	3,09	80	Khá	685.000	
171	2169070012	Lê Thị Huyền Trang	K24 ĐH QLTN-MT	3,17	84	Khá	685.000	
172	216602CLC02	Hà Minh Đạt	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	3,20	81	Giỏi	735.000	
173	216602CLC03	Hà Thị Diễm	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	3,40	84	Giỏi	735.000	
174	216602CLC04	Vi Thị Doan	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	3,23	80	Giỏi	735.000	
175	216602CLC05	Cao Thị Hồng	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	3,23	80	Giỏi	735.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
176	216602CLC06	Trương Thị Lệ Khuyên	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	3,27	80	Giỏi	735.000	
177	216602CLC15	Triệu Thị Thùy	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	3,37	84	Giỏi	735.000	
178	216602CLC16	Lê Thị Vân	K24 ĐHSP Lịch sử CLC	3,20	80	Giỏi	735.000	
179	1869010002	Lê Thị Vân Anh	K21A ĐHGD Mầm non	3,83	98	Xuất sắc	785.000	
180	1869010051	Đinh Thị Mai Anh	K21B ĐHGD Mầm non	3,93	91	Xuất sắc	785.000	
181	1869010008	Lê Thị Phương Thảo	K21B ĐHGD Mầm non	3,83	95	Xuất sắc	785.000	
182	1869010080	Trương Thị Kiều Oanh	K21B ĐHGD Mầm non	3,93	98	Xuất sắc	785.000	
183	1869010113	Nguyễn Thị Hoa	K21C ĐHGD Mầm non	4,00	93	Xuất sắc	785.000	
184	1869010105	Nguyễn Thị Dung	K21C ĐHGD Mầm non	3,93	94	Xuất sắc	785.000	
185	1869010122	Hoàng Thị Linh	K21C ĐHGD Mầm non	3,93	98	Xuất sắc	785.000	
186	1869010145	Hàn Thị Tuyền	K21C ĐHGD Mầm non	3,93	90	Xuất sắc	785.000	
187	1869010135	Nguyễn Thị Thảo	K21C ĐHGD Mầm non	3,87	92	Xuất sắc	785.000	
188	1969010029	Nguyễn Thị Ánh Linh	K22 ĐHGD Mầm non	4,00	96	Xuất sắc	785.000	
189	1969010005	Trần Thị Anh	K22 ĐHGD Mầm non	3,93	92	Xuất sắc	785.000	
190	1969010067	Lò Thị Xoan	K22 ĐHGD Mầm non	3,93	96	Xuất sắc	785.000	
191	1969010017	Nguyễn Thị Hiền	K22 ĐHGD Mầm non	3,93	90	Xuất sắc	785.000	
192	1969010051	Hà Thị Thoa	K22 ĐHGD Mầm non	3,93	91	Xuất sắc	785.000	
193	196C680006	Trịnh Cẩm Dung	K41A ĐHGD Mầm non	3,87	87	Giỏi	440.000	
194	196C680080	Nguyễn Thị Phương Thanh	K41B ĐHGD Mầm non	4,00	95	Xuất sắc	490.000	
195	196C680077	Nguyễn Thị Đan Phượng	K41B ĐHGD Mầm non	3,93	95	Xuất sắc	490.000	
196	196C680057	Hoàng Thị Huệ	K41B ĐHGD Mầm non	3,90	95	Xuất sắc	490.000	
197	196C680060	Lê Thị Lam	K41B ĐHGD Mầm non	3,83	88	Giỏi	440.000	
198	196C680072	Lê Thị Ngọc	K41B ĐHGD Mầm non	3,77	91	Xuất sắc	490.000	
199	2069010031	Nguyễn Thị Hằng	K23A ĐHGD Mầm non	3,33	94	Giỏi	735.000	
200	2069010020	Hoàng Thị Dung	K23A ĐHGD Mầm non	3,28	80	Giỏi	735.000	
201	2069010018	Lê Thị Thuý	K23A ĐHGD Mầm non	3,03	81	Giỏi	735.000	
202	2069010159	Lê Thị Thủy	K23A ĐHGD Mầm non	3,11	79	Khá	685.000	
203	2069010050	Nguyễn Thị Duyên	K23A ĐHGD Mầm non	3,06	80	Khá	685.000	
204	2069010028	Nguyễn Thị Hà	K23A ĐHGD Mầm non	3,03	91	Khá	685.000	
205	2069010002	Đào Thị Minh Anh	K23A ĐHGD Mầm non	3,00	80	Khá	685.000	
206	2069010014	Phạm Thị Mai Chi	K23A ĐHGD Mầm non	3,00	83	Khá	685.000	
207	2069010081	Nguyễn Thị Linh	K23B ĐHGD Mầm non	3,25	85	Giỏi	735.000	
208	2069010115	Nguyễn Thị Nhung	K23C ĐHGD Mầm non	3,25	83	Giỏi	735.000	
209	2069010119	Lê Thị Oanh	K23C ĐHGD Mầm non	3,03	83	Khá	685.000	
210	2069010188	Nguyễn Thùy Linh	K23D ĐHGD Mầm non	3,06	91	Khá	685.000	
211	2069010194	Mai Thị Linh	K23D ĐHGD Mầm non	3,06	85	Khá	685.000	
212	206C680012	Nguyễn Thị Hồng	K42 ĐHGD Mầm non	3,60	90	Xuất sắc	490.000	
213	206C680039	Nguyễn Thị Thảo	K42 ĐHGD Mầm non	3,53	95	Giỏi	440.000	
214	206C680032	Hà Thị Thúy	K42 ĐHGD Mầm non	3,33	88	Giỏi	440.000	
215	2169010019	Phan Thị Hoa	K24A ĐHGD Mầm non	3,35	85	Giỏi	735.000	
216	2169010064	Mai Thị Vân Anh	K24B ĐHGD Mầm non	3,35	83	Giỏi	735.000	
217	2169010143	Lê Thị Hiền	K24C ĐHGD Mầm non	3,35	85	Giỏi	735.000	
218	2169010222	Trịnh Thị Minh	K24D ĐHGD Mầm non	3,35	85	Giỏi	735.000	
219	2169010024	Nguyễn Thị Lê Huyền	K24A ĐHGD Mầm non	3,29	89	Giỏi	735.000	
220	2169010017	Trịnh Thị Hậu	K24A ĐHGD Mầm non	3,26	84	Giỏi	735.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
221	2169010174	Nguyễn Thị Quỳnh	K24C ĐHGĐ Mầm non	3,26	92	Giỏi	735.000	
222	2169010081	Trịnh Thị Thu Hồng	K24B ĐHGĐ Mầm non	3,21	81	Giỏi	735.000	
223	2169010046	Lê Như Quỳnh	K24A ĐHGĐ Mầm non	3,18	74	Khá	685.000	
224	2169010159	Hoàng Thị Luyến	K24C ĐHGĐ Mầm non	3,18	83	Khá	685.000	
225	2169010032	Phạm Thị Bích Loan	K24A ĐHGĐ Mầm non	3,15	83	Khá	685.000	
226	2169010198	Lê Thị Kim Dung	K24D ĐHGĐ Mầm non	3,15	83	Khá	685.000	
227	2169010033	Nguyễn Thị Xuân Mai	K24A ĐHGĐ Mầm non	3,09	89	Khá	685.000	
228	2169010076	Lê Thu Hằng	K24B ĐHGĐ Mầm non	3,09	83	Khá	685.000	
229	2169010177	Nguyễn Thị Thu	K24C ĐHGĐ Mầm non	3,09	80	Khá	685.000	
230	2169010204	Lê Thị Hiền	K24D ĐHGĐ Mầm non	3,03	83	Khá	274.000	2 xuất/5sv
231	2169010129	Lê Thị Phương Anh	K24C ĐHGĐ Mầm non	3,03	83	Khá	274.000	
232	2169010135	Bùi Thị Định	K24C ĐHGĐ Mầm non	3,03	83	Khá	274.000	
233	2169010220	Nguyễn Thị Khánh Linh	K24D ĐHGĐ Mầm non	3,03	82	Khá	274.000	
234	2169010164	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	K24C ĐHGĐ Mầm non	3,03	82	Khá	274.000	
235	216C680031	Trương Thị Thùy	K43 CĐGD Mầm non	2,87	81	Khá	390.000	
236	216C680001	Lê Nguyễn Văn Anh	K43 CĐGD Mầm non	2,74	77	Khá	390.000	
237	216C680021	Lê Thị Nguyệt	K43 CĐGD Mầm non	2,63	81	Khá	390.000	
238	1869000034	Bùi Thị Thoa	K21 ĐHGĐ Tiểu học	4,0	98	Xuất sắc	785.000	
239	1869000035	Bàn Thị Thu	K21 ĐHGĐ Tiểu học	4,0	97	Xuất sắc	785.000	
240	1869000008	Lê Thị Thúy Hằng	K21 ĐHGĐ Tiểu học	3,86	98	Xuất sắc	157.000	1 xuất/5sv
241	1869000027	Phạm Thu Quỳnh	K21 ĐHGĐ Tiểu học	3,86	90	Xuất sắc	157.000	
242	1869000032	Hà Thị Thảo	K21 ĐHGĐ Tiểu học	3,86	98	Xuất sắc	157.000	
243	1869000038	Nguyễn Thu Trang	K21 ĐHGĐ Tiểu học	3,86	90	Xuất sắc	157.000	
244	1869000039	Lê Nguyễn Ngọc Trinh	K21 ĐHGĐ Tiểu học	3,86	90	Xuất sắc	157.000	
245	1969000020	Đỗ Hoàng Lan	K22A ĐHGĐ Tiểu học	4,0	93	Xuất sắc	785.000	
246	1969000053	Lê Thị Ngọc Anh	K22B ĐHGĐ Tiểu học	4,0	92	Xuất sắc	785.000	
247	1969000002	Lê Thị Phương Anh	K22A ĐHGĐ Tiểu học	3,89	94	Xuất sắc	785.000	
248	1969000004	Ngô Thị Văn Anh	K22A ĐHGĐ Tiểu học	3,89	95	Xuất sắc	785.000	
249	1969000005	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K22A ĐHGĐ Tiểu học	3,89	92	Xuất sắc	785.000	
250	1969000054	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K22B ĐHGĐ Tiểu học	3,89	93	Xuất sắc	785.000	
251	1969000069	Hoàng Thu Huyền	K22B ĐHGĐ Tiểu học	3,83	93	Xuất sắc	785.000	
252	1969000028	Bùi Thu Ngân	K22A ĐHGĐ Tiểu học	3,78	90	Xuất sắc	392.500	1 xuất/2sv
253	1969000093	Tô Thị Huệ	K22B ĐHGĐ Tiểu học	3,78	92	Xuất sắc	392.500	
254	2069000065	Lê Thị Giang	K23B ĐHGĐ Tiểu học	4,0	90	Xuất sắc	785.000	
255	2069000271	Lê Yến Vy	K23E ĐHGĐ Tiểu học	3,73	93	Xuất sắc	785.000	
256	2069000134	Lê Minh Ngọc Linh	K23C ĐHGĐ Tiểu học	3,63	90	Xuất sắc	785.000	
257	2069000293	Nguyễn Thị Hồng Linh	K23F ĐHGĐ Tiểu học	3,6	93	Xuất sắc	785.000	
258	2069000002	Mai Lê Anh	K23A ĐHGĐ Tiểu học	3,57	94	Giỏi	735.000	
259	2069000019	Mai Thu Huyền	K23A ĐHGĐ Tiểu học	3,57	88	Giỏi	735.000	
260	2069000246	Phạm Thị Lương	K23E ĐHGĐ Tiểu học	3,57	83	Giỏi	735.000	
261	2069000252	Lê Thị Nhung	K23E ĐHGĐ Tiểu học	3,57	85	Giỏi	735.000	
262	2069000301	Cao Thị Ngân	K23F ĐHGĐ Tiểu học	3,57	82	Giỏi	735.000	
263	2069000008	Lê Thị Dung	K23A ĐHGĐ Tiểu học	3,5	89	Giỏi	735.000	
264	2069000083	Nguyễn Thị Luyến	K23B ĐHGĐ Tiểu học	3,5	85	Giỏi	735.000	
265	2069000275	Nguyễn Linh Chi	K23F ĐHGĐ Tiểu học	3,5	91	Giỏi	735.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
266	2069000309	Phạm Thị Thanh Tâm	K23F ĐHGĐ Tiểu học	3,5	91	Giỏi	735.000	
267	2069000099	Nguyễn Thu Thủy	K23B ĐHGĐ Tiểu học	3,47	83	Giỏi	735.000	
268	2069000110	Phạm Thị Thúy An	K23C ĐHGĐ Tiểu học	3,47	92	Giỏi	735.000	
269	2069000111	Nguyễn Thị Tú Anh	K23C ĐHGĐ Tiểu học	3,47	87	Giỏi	735.000	
270	2069000114	Vũ Thị Thanh Bình	K23C ĐHGĐ Tiểu học	3,47	81	Giỏi	735.000	
271	1869000011	Bùi Thị Hiền	K23B ĐHGĐ Tiểu học	3,43	81	Giỏi	735.000	
272	2069000179	Nguyễn Thị Huyền	K23D ĐHGĐ Tiểu học	3,43	93	Giỏi	735.000	
273	2069000048	Nguyễn Thị Thủy	K23A ĐHGĐ Tiểu học	3,4	85	Giỏi	490.000	4 xuất/6sv
274	2069000086	Nguyễn Thị Na	K23B ĐHGĐ Tiểu học	3,4	88	Giỏi	490.000	
275	2069000163	Lương Thị Hải Yến	K23C ĐHGĐ Tiểu học	3,4	87	Giỏi	490.000	
276	2069000226	Phạm Thị Thùy Dương	K23E ĐHGĐ Tiểu học	3,4	91	Giỏi	490.000	
277	2069000239	Lê Khánh Huyền	K23E ĐHGĐ Tiểu học	3,4	85	Giỏi	490.000	
278	2069000238	Nguyễn Thu Huyền	K23E ĐHGĐ Tiểu học	3,4	85	Giỏi	490.000	
279	196C740030	Lê Đình Tuấn	K41 CĐGD Tiểu học	3,93	94	Xuất sắc	490.000	
280	196C740024	Lê Thị Linh Phương	K41 CĐGD Tiểu học	3,93	90	Xuất sắc	490.000	
281	2169000119	Lê Thị Phương Anh	K24C ĐHGĐ Tiểu học	3,91	90	Xuất sắc	785.000	
282	2169000292	Trịnh Minh Anh	K24A ĐHGĐ Tiểu học	3,81	83	Giỏi	735.000	
283	2169000013	Phạm Thị Hà	K24A ĐHGĐ Tiểu học	3,69	90	Xuất sắc	785.000	
284	2169000167	Trịnh Thị Trang	K24C ĐHGĐ Tiểu học	3,69	91	Xuất sắc	785.000	
285	2169000171	Phạm Thị Tuyết	K24C ĐHGĐ Tiểu học	3,69	90	Xuất sắc	785.000	
286	2169000168	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	K24C ĐHGĐ Tiểu học	3,66	90	Xuất sắc	785.000	
287	2169000154	Nguyễn Thị Ninh	K24C ĐHGĐ Tiểu học	3,63	90	Xuất sắc	785.000	
288	2169000198	Bùi Thị Huyền	K24D ĐHGĐ Tiểu học	3,56	90	Giỏi	735.000	
289	2169000006	Hà Thị Linh Chi	K24A ĐHGĐ Tiểu học	3,53	90	Giỏi	735.000	
290	2169000110	Hoàng Thị Như Trang	K24B ĐHGĐ Tiểu học	3,50	88	Giỏi	735.000	
291	2169000120	Lưu Đình Anh	K24C ĐHGĐ Tiểu học	3,50	89	Giỏi	735.000	
292	2169000182	Lê Thị Đào	K24D ĐHGĐ Tiểu học	3,50	83	Giỏi	735.000	
293	2169000112	Nguyễn Thị Trang	K24B ĐHGĐ Tiểu học	3,47	83	Giỏi	735.000	
294	2169000158	Nguyễn Ngọc Quyển	K24C ĐHGĐ Tiểu học	3,47	81	Giỏi	735.000	
295	2169000229	Trần Thanh Tùng	K24D ĐHGĐ Tiểu học	3,44	90	Giỏi	735.000	
296	2169000274	Lê Mai Phương	K24E ĐHGĐ Tiểu học	3,44	90	Giỏi	735.000	
297	2169000286	Bùi Thu Trang	K24E ĐHGĐ Tiểu học	3,44	83	Giỏi	735.000	
298	2169000159	Nguyễn Diễm Quỳnh	K24C ĐHGĐ Tiểu học	3,41	81	Giỏi	735.000	
299	2169000220	Phạm Thị Thảo	K24D ĐHGĐ Tiểu học	3,41	89	Giỏi	735.000	
300	2169000099	Trịnh Hồng Nhung	K24B ĐHGĐ Tiểu học	3,38	83	Giỏi	147.000	1 xuất/5sv
301	2169000151	Vũ Yến Nhi	K24E ĐHGĐ Tiểu học	3,38	81	Giỏi	147.000	
302	2169000233	Trần Ngọc Anh	K24E ĐHGĐ Tiểu học	3,38	89	Giỏi	147.000	
303	2169000259	Trần Phương Linh	K24E ĐHGĐ Tiểu học	3,38	83	Giỏi	147.000	
304	2169000270	Trần Thị Nhi	K24E ĐHGĐ Tiểu học	3,38	83	Giỏi	147.000	
305	1769020024	Hà Văn Thương	K21 ĐH GDTC	3,92	93	Xuất sắc	785.000	
306	1969020014	Nguyễn Văn Vương	K22 ĐH GDTC	3,88	80	Giỏi	735.000	
307	2069020004	Lê Công Đạt	K23 ĐH GDTC	3,03	90	Khá	685.000	
308	2069020022	Thao Văn Sinh	K23 ĐH GDTC	3,17	90	Khá	685.000	
309	1867010028	Vũ Thị Diệu Linh	K21 ĐHSP Anh	4,00	90	Xuất sắc	785.000	
310	1867010009	Ng. Hoàng Minh Giang	K21 ĐHSP Anh	3,79	90	Xuất sắc	785.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/ tháng	Ghi chú
311	1867010050	Thiều Hà Trang	K21 ĐHSP Anh	3,71	90	Xuất sắc	785.000	
312	1867020010	Nguyễn Thúy Hằng	K21 ĐHNN Anh	3,71	94	Xuất sắc	785.000	
313	1867020046	Lê Hồng Sơn	K21 ĐHNN Anh	3,67	83	Giỏi	735.000	
314	1867020006	Đậu Văn Chiến	K21 ĐHNN Anh	3,63	88	Giỏi	735.000	
315	1867020056	Nguyễn Văn Trường	K21 ĐHNN Anh	3,58	83	Giỏi	735.000	
316	1867020057	Nguyễn Thanh Tùng	K21 ĐHNN Anh	3,58	83	Giỏi	735.000	
317	1967010013	Nguyễn Thị Hào	K22A ĐHSP Anh	3,71	80	Giỏi	735.000	
318	1967010005	Đỗ Ngọc Ánh	K22A ĐHSP Anh	3,62	96	Xuất sắc	785.000	
319	1967010007	Hoàng Thị Diệu	K22A ĐHSP Anh	3,53	81	Giỏi	735.000	
320	1967010045	Lưu Thị Hà	K22B ĐHSP Anh	3,74	83	Giỏi	735.000	
321	1967010060	Nguyễn Thị Minh	K22B ĐHSP Anh	3,5	95	Giỏi	735.000	
322	1967020052	Nguyễn Long Văn	K22 ĐHNN Anh	3,86	83	Giỏi	735.000	
323	1967020007	Lê Thị Nhật ánh	K22 ĐHNN Anh	3,57	92	Giỏi	735.000	
324	1967020018	Nguyễn Thị Hiếu	K22 ĐHNN Anh	3,47	83	Giỏi	735.000	
325	2067010034	Trịnh Thị Hà Phương	K23A ĐHSP Anh	3,68	83	Giỏi	735.000	
326	2067010036	Dương Thị Đức Tâm	K23A ĐHSP Anh	3,68	92	Xuất sắc	785.000	
327	2067010011	Hoàng Xuân Dương	K23A ĐHSP Anh	3,54	83	Giỏi	735.000	
328	2067010046	Lê Minh Anh	K23B ĐHSP Anh	3,64	90	Xuất sắc	785.000	
329	2067010049	Nguyễn Nhật Anh	K23B ĐHSP Anh	3,57	90	Giỏi	735.000	
330	2067010057	Nguyễn Thị Hoa	K23B ĐHSP Anh	3,54	82	Giỏi	735.000	
331	2067010072	Nguyễn Thị Kim Ngân	K23B ĐHSP Anh	3,46	82	Giỏi	735.000	
332	2067010080	Vũ Thị Thi	K23B ĐHSP Anh	3,46	82	Giỏi	735.000	
333	2067010054	Phan Nguyệt Hằng	K23B ĐHSP Anh	3,46	82	Giỏi	735.000	
334	2067010109	Lê Việt Hoài Nam	K23C ĐHSP Anh	3,71	90	Xuất sắc	785.000	
335	2067010179	Lê Thị Minh Hòa	K23C ĐHSP Anh	3,39	85	Giỏi	735.000	
336	2067010131	Lương Thị Ngọc Anh	K23D ĐHSP Anh	3,75	92	Xuất sắc	785.000	
337	2067020030	Đậu Văn Trường	K23A ĐHNN Anh	3,82	90	Xuất sắc	785.000	
338	2067020032	Trịnh Anh Tuấn	K23A ĐHNN Anh	3,75	90	Xuất sắc	785.000	
339	2067020013	Nguyễn Văn Linh	K23A ĐHNN Anh	3,64	90	Xuất sắc	785.000	
340	2067020034	Trần Hữu Vương	K23A ĐHNN Anh	3,57	90	Giỏi	735.000	
341	2167010033	Lê Thị Hồng Minh	K24A ĐHSP Anh	3,72	90	Xuất sắc	785.000	
342	2167010046	Nguyễn Thị Thắm	K24A ĐHSP Anh	3,63	90	Xuất sắc	785.000	
343	2167010052	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	K24A ĐHSP Anh	3,63	90	Xuất sắc	785.000	
344	2167010223	Lê Văn Trường	K24A ĐHSP Anh	3,63	90	Xuất sắc	785.000	
345	2167010064	Đỗ Khánh Chi	K24B ĐHSP Anh	3,84	90	Xuất sắc	785.000	
346	2167010063	Phạm Thị Mai Chi	K24B ĐHSP Anh	3,75	90	Xuất sắc	785.000	
347	2167010076	Phạm Thị Thu Hiền	K24B ĐHSP Anh	3,75	90	Xuất sắc	785.000	
348	2167010101	Đinh Văn Tám	K24B ĐHSP Anh	3,66	90	Xuất sắc	785.000	
349	2167010178	Nguyễn Tùng Chi	K24B ĐHSP Anh	3,63	90	Xuất sắc	785.000	
350	2167010153	Tổng Trần Phong	K24C ĐHSP Anh	3,94	90	Xuất sắc	785.000	
351	2167010118	Lê Thị Phương Anh	K24C ĐHSP Anh	3,75	90	Xuất sắc	785.000	
352	2167010125	Phan Hà Chi	K24C ĐHSP Anh	3,75	90	Xuất sắc	785.000	
353	2167010010	Nguyễn Kim Chi	K24C ĐHSP Anh	3,72	90	Xuất sắc	785.000	
354	2167010182	Lê Thị Hương Giang	K24C ĐHSP Anh	3,69	90	Xuất sắc	785.000	
355	2167010161	Tô Lê Phương Thảo	K24C ĐHSP Anh	3,66	90	Xuất sắc	785.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
356	2167010073	Đặng Thị Nhật Hạ	K24B ĐHSP Anh	3,59	89	Giỏi	245.000	1 xuất/3sv
357	2167010030	Nguyễn Khánh Linh	K24A ĐHSP Anh	3,59	85	Giỏi	245.000	
358	2167010133	Lê Thanh Hằng	K24C ĐHSP Anh	3,59	87	Giỏi	245.000	
359	2167020115	Lê Thị Hồng	K24B ĐHNN Anh	3,47	80	Giỏi	735.000	
360	2167020139	Trần Thị ÚT	K24B ĐHNN Anh	3,47	80	Giỏi	735.000	
361	2167020093	Lê Thị Trang	K24B ĐHNN Anh	3,47	80	Giỏi	735.000	
362	2187020018	Phùng Thị Huyền	K24A ĐHNN Anh	3,34	83	Giỏi	735.000	
363	2167020107	Hoàng Công Đức	K24B ĐHNN Anh	3,34	80	Giỏi	735.000	
364	2167020125	Phạm Thị Thanh Loan	K24B ĐHNN Anh	3,34	80	Giỏi	735.000	
365	2167020081	Nguyễn Minh Phương	K24B ĐHNN Anh	3,34	80	Giỏi	735.000	
366	2167020006	Trần Thị Ngọc Bích	K24B ĐHNN Anh	3,31	81	Giỏi	735.000	
367	2167020020	Mai Liên	K24B ĐHNN Anh	3,31	84	Giỏi	735.000	
368	2167020120	Vũ Phương Linh	K24B ĐHNN Anh	3,28	80	Giỏi	735.000	
369	2167020128	Trần Thị Mận	K24B ĐHNN Anh	3,25	80	Giỏi	367.500	1 xuất/2sv
370	2167020036	Nguyễn Thị Thắm	K24B ĐHNN Anh	3,25	80	Giỏi	367.500	
371	1861030015	Nguyễn Hoàng Long	K21A ĐH CNTT	3,89	96	Xuất sắc	920.000	
372	1861030008	Nguyễn Hữu Nhân	K21A ĐH CNTT	3,71	92	Xuất sắc	920.000	
373	1861030005	Đào Duy Dương	K21A ĐH CNTT	3,61	90	Giỏi	870.000	
374	1861030008	Nguyễn Hoàng Hải	K21A ĐH CNTT	3,57	90	Giỏi	870.000	
375	1861030065	Lê Ngọc Vinh	K21B ĐH CNTT	3,57	96	Giỏi	870.000	
376	1961030009	Đặng Thị Thùy Linh	K22A ĐH CNTT	3,82	95	Xuất sắc	920.000	
377	1961030014	Nguyễn Thị Thuỳ	K22A ĐH CNTT	3,76	90	Xuất sắc	920.000	
378	1961030004	Hoàng Thái Biền	K22A ĐH CNTT	3,68	90	Xuất sắc	920.000	
379	2061030038	Trịnh Sỹ Tuấn	K23A ĐH CNTT	3,67	91	Xuất sắc	920.000	
380	2061030036	Nguyễn Việt Trường	K23A ĐH CNTT	3,37	89	Giỏi	870.000	
381	2061030014	Chu Đình Khánh Hưng	K23A ĐH CNTT	3,33	85	Giỏi	870.000	
382	2061030032	Lê Đình Thắng	K23A ĐH CNTT	3,27	91	Giỏi	870.000	
383	2061030006	Tổng Duy Đạt	K23A ĐH CNTT	3,23	85	Giỏi	870.000	
384	2061030019	Nguyễn Đại Lộc	K23A ĐH CNTT	3,1	91	Khá	820.000	
385	2161030102	Lê Đình Long	K24A ĐH CNTT	3,25	80	Giỏi	870.000	
386	2161030115	Trần Hoàng Quân	K24A ĐH CNTT	3,19	81	Khá	820.000	
387	2161030036	Phạm Mai Linh	K24A ĐH CNTT	2,75	83	Khá	820.000	
388	2161030122	Trần Ngọc Tiến	K24B ĐH CNTT	3,25	80	Giỏi	870.000	
389	2161030111	Trần Hoàng Nam	K24B ĐH CNTT	3,19	88	Khá	820.000	
390	2161030096	Hà Anh Linh	K24B ĐH CNTT	3,03	85	Khá	820.000	
391	2161030216	Nguyễn Thế Bách	K24B ĐH CNTT	2,53	80	Khá	820.000	
392	1863020018	Nguyễn Thanh Tuyền	K21 ĐH Chăn nuôi	3,67	95	Xuất sắc	785.000	
393	1863050003	Nguyễn Hoàng Duy	K21 ĐH Nông học	3,79	95	Xuất sắc	785.000	
394	1963020005	Nguyễn Đình Dũng	K22 ĐH Chăn nuôi	3,09	88	Khá	685.000	
395	2063020011	Lâm Thị Giang	K23 ĐH Chăn nuôi	2,80	75	Khá	685.000	
396	2063020034	Lê Hoàng Phương Thảo	K23 ĐH Chăn nuôi	2,95	81	Khá	685.000	
397	2163050005	Trần Thị Nhi	K24 ĐH Nông học	3,44	91	Giỏi	735.000	
398	1861070009	Nguyễn Hữu Nam	K21 ĐH KTCT	3,26	96	Giỏi	435.000	1 xuất/2sv
399	1861070003	Đỗ Văn Hiệp	K21 ĐH KTCT	3,26	87	Giỏi	435.000	
400	1862030007	Trần Đăng Thức	K21 ĐH KTĐ	3,69	95	Xuất sắc	920.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
401	1962030002	Nguyễn Văn Đức	K22 ĐH KTĐ	3.31	93	Giỏi	870.000	
402	1961070010	Nyiatouxuemoua Kee	K22 ĐH KTCT	3.62	85	Giỏi	870.000	
403	2061070009	Lê Minh Trục	K23 ĐH KTCT	3.21	92	Giỏi	870.000	
404	2062030001	Lương Hữu Chương	K23 ĐH KTĐ	2.59	85	Khá	820.000	
405	2161070004	Hồ Công Chiến	K24 ĐH KTCT	2.78	85	Khá	820.000	
406	2161070006	Đào Mạnh Cường	K24 ĐH KTCT	2.76	83	Khá	820.000	
407	2162030002	Nguyễn Khắc Đông	K24 ĐH KTĐ	3.05	86	Khá	820.000	
408	2162030008	Nguyễn Đăng Kiên	K24 ĐH KTĐ	2.58	86	Khá	820.000	
409	1868010013	Phạm Tiến Dũng	K21 ĐH Luật	3,21	90	Giỏi	735.000	
410	1868010007	Lê Minh Chính	K21 ĐH Luật	3,14	95	Khá	685.000	
411	1868010029	Nguyễn Hải Quỳnh	K21 ĐH Luật	3,07	92	Khá	685.000	
412	1968010010	Đào Sỹ Nguyên	K22 ĐH Luật	3,56	91	Giỏi	735.000	
413	2068010014	Lê Mạnh Tân	K23 ĐH Luật	3,25	90	Giỏi	735.000	
414	2068010005	Phạm Thị Hoa	K23 ĐH Luật	3,19	86	Khá	685.000	
415	2168010005	Trần Thị Phương Anh	K24 ĐH Luật	4,0	92	Xuất sắc	785.000	
416	2168010012	Lê Đăng Tiến Đạt	K24 ĐH Luật	3,32	90	Giỏi	735.000	
417	2168010052	Mai Xuân Vũ	K24 ĐH Luật	3,32	90	Giỏi	735.000	
418	2168010055	Trương Hoàng Linh	K24 ĐH Luật	3,24	90	Giỏi	735.000	
419	2064010206	Bùi Ngọc Anh	K23A ĐH Kế toán	3.3	90	Giỏi	735.000	
420	2064010021	Nguyễn Thị Linh	K23A ĐH Kế toán	3,5	90	Giỏi	735.000	
421	2064010020	Lê Thị Mỹ Linh	K23A ĐH Kế toán	3,24	90	Giỏi	735.000	
422	2064010037	Lê Thị Tâm	K23A ĐH Kế toán	3,3	83	Giỏi	735.000	
423	2064010055	Nguyễn Thị Vân Anh	K23B ĐH Kế toán	3,41	90	Giỏi	735.000	
424	2064010140	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	K23C ĐH Kế toán	3,71	92	Xuất sắc	785.000	
425	1964010134	Lê Thị Thanh Thịnh	K23C ĐH Kế toán	3,71	90	Xuất sắc	785.000	
426	2064010145	Nguyễn Thị Ngọc Trang	K23C ĐH Kế toán	3,44	90	Giỏi	735.000	
427	2064010123	Lương Thị Diệu Linh	K23C ĐH Kế toán	3,24	85	Giỏi	735.000	
428	2064010127	Phan Thị Ánh Nguyệt	K23C ĐH Kế toán	3,41	80	Giỏi	735.000	
429	2064010147	Nguyễn Thị Trang	K23C ĐH Kế toán	3,68	85	Giỏi	735.000	
430	2064010210	Lê Thị Lan	K23C ĐH Kế toán	3,68	90	Xuất sắc	785.000	
431	20640101169	Lê Thị Linh	K23D ĐH Kế toán	3,24	80	Giỏi	735.000	
432	20640101170	Nguyễn Thị Linh	K23D ĐH Kế toán	3,41	80	Giỏi	735.000	
433	1864010028	Phan Thị Kim Nhung	K21A ĐH Kế toán	3,59	93	Giỏi	735.000	
434	1864010040	Phạm Thị Quỳnh Thu	K21A ĐH Kế toán	3,68	96	Xuất sắc	785.000	
435	1864010043	Ng Thị Phương Thúy	K21A ĐH Kế toán	3,91	94	Xuất sắc	785.000	
436	1864010049	Vũ Thị Thu Trang	K21A ĐH Kế toán	3,82	82	Giỏi	735.000	
437	1864010060	Trần Thị Hồng Chi	K21B ĐH Kế toán	3,55	82	Giỏi	735.000	
438	1864010080	Lê Thị Thùy Minh	K21B ĐH Kế toán	3,59	91	Giỏi	735.000	
439	1864010115	Đinh Thúy Diệu	K21C ĐH Kế toán	3,64	92	Xuất sắc	785.000	
440	1864010121	Lê Thị Hoa	K21C ĐH Kế toán	3,55	92	Xuất sắc	785.000	
441	1864010125	Nguyễn Thị Kim Liên	K21C ĐH Kế toán	3,64	98	Xuất sắc	785.000	
442	1864010128	Nguyễn Thị Luận	K21C ĐH Kế toán	3,91	98	Xuất sắc	785.000	
443	1864060002	Nguyễn Công Giới	K21 ĐH Kinh tế	3,00	82	Khá	685.000	
444	1864020010	Dương Thị Thanh Hoa	K21A ĐH QTKD	3,77	83	Giỏi	735.000	
445	1864020028	Phạm Thị Như ý	K21A ĐH QTKD	3,58	90	Giỏi	735.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
446	1864020036	Trần Phương Anh	K21B ĐH QTKD	3,5	90	Giỏi	735.000	
447	1864020072	Nguyễn Thị Mai	K21B ĐH QTKD	3,54	90	Giỏi	735.000	
448	1864020015	Lê Đình Nguyễn	K21A ĐH QTKD	3,58	79	Khá	685.000	
449	1864020024	Phạm Thị Ngọc Trang	K21A ĐH QTKD	3,54	71	Khá	685.000	
450	1864030006	Lương Văn Dũng	K21ĐH TCNH	3,32	80	Giỏi	735.000	
451	1764030022	Lê Đức Việt	K21ĐH TCNH	3,40	81	Giỏi	735.000	
452	1964010007	Nguyễn Linh Chi	K22A ĐH Kế toán	3,93	92	Xuất sắc	785.000	
453	1964010015	Nguyễn Thị Thúy Hằng	K22A ĐH Kế toán	3,93	90	Xuất sắc	785.000	
454	1964010024	Trịnh Thị Linh	K22A ĐH Kế toán	3,87	80	Giỏi	735.000	
455	1964010019	Nguyễn Thị Ánh Hồng	K22A ĐH Kế toán	3,67	80	Giỏi	735.000	
456	1964010026	Hoàng Thị Linh	K22A ĐH Kế toán	3,67	90	Xuất sắc	785.000	
457	1964010077	Lê Thị Lan	K22C ĐH Kế toán	4	91	Xuất sắc	785.000	
458	1964010135	Nguyễn Thị Thơ	K22C ĐH Kế toán	4	98	Xuất sắc	785.000	
459	1964010115	Ng Thị Phương Lan	K22C ĐH Kế toán	4	91	Xuất sắc	785.000	
460	1964010121	Lê Thị Mai	K22C ĐH Kế toán	3,7	90	Xuất sắc	785.000	
461	1864010051	Nguyễn Thị Vân	K22C ĐH Kế toán	3,77	95	Xuất sắc	785.000	
462	1964030014	Lê Hà Trang	K22 ĐH TCNH	3,68	90	Xuất sắc	785.000	
463	1964060004	Tổng Thị Thùy Dương	K22 ĐH Kinh tế	3,05	70	Khá	685.000	
464	1964020024	Lê Thị Huyền Trang	K22A ĐH QTKD	3,61	76	Khá	685.000	
465	1964020002	Nguyễn Thị Mai Linh	K22A ĐH QTKD	3,06	76	Khá	685.000	
466	1964020010	Trần Ngọc Trà My	K22A ĐH QTKD	3,00	73	Khá	685.000	
467	1964020055	Lê Quý Kiên	K22B ĐH QTKD	3,22	79	Khá	685.000	
468	1964020031	Đoàn Gia Lượng	K22B ĐH QTKD	3,00	90	Khá	685.000	
469	2064020065	Lê Đình Hiếu	K23B ĐH QTKD	3,43	93	Giỏi	735.000	
470	2064020106	Lê Thị Huyền	K23B ĐH QTKD	3,06	79	Khá	685.000	
471	2064020080	Tổng Thị Nhi	K23B ĐH QTKD	3,03	86	Khá	685.000	
472	2064020101	Lê Thị Tâm	K23B ĐH QTKD	3,58	90	Giỏi	735.000	
473	2064020022	Ngô Thu Huyền	K23A ĐH QTKD	3,03	75	Khá	685.000	
474	2064020027	Nguyễn Thế Mạnh	K23A ĐH QTKD	2,86	80	Khá	685.000	
475	2064020028	Nguyễn Thị Nga	K23A ĐH QTKD	3,03	85	Khá	685.000	
476	2164010033	Lê Thị Tuyết Nhi	K24A ĐH Kế toán	3,17	65	Khá	685.000	
477	2164010043	Dương Thị Thảo	K24A ĐH Kế toán	3,13	72	Khá	685.000	
478	2164010044	Nguyễn Thị Phương Thảo	K24A ĐH Kế toán	3,27	90	Giỏi	735.000	
479	2164010055	Phạm Hà Vi	K24A ĐH Kế toán	3,23	67	Khá	685.000	
480	2164010018	Hồ Thị Hương	K24A ĐH Kế toán	3,1	72	Khá	685.000	
481	2164010019	Đào Thị Thanh Huyền	K24A ĐH Kế toán	3,0	71	Khá	685.000	
482	2164010086	Hoàng Thị Phương Linh	K24B ĐH Kế toán	3,5	85	Giỏi	735.000	
483	2164010103	Lê Thị Như Quỳnh	K24B ĐH Kế toán	3,2	81	Giỏi	735.000	
484	2164010130	Nguyễn Thị Bình	K24C ĐH Kế toán	3,47	84	Giỏi	735.000	
485	2164010139	Trần Thị Huệ	K24C ĐH Kế toán	3,23	70	Khá	685.000	
486	2164010133	Nguyễn Tuấn Đạt	K24C ĐH Kế toán	3,17	87	Khá	685.000	
487	2164010167	Lê Thị Quỳnh	K24C ĐH Kế toán	3,27	80	Giỏi	735.000	
488	2164010171	Phạm Thị Minh Thi	K24C ĐH Kế toán	3,63	90	Xuất sắc	785.000	
489	2164010200	Mạch Thu Huyền	K24D ĐH Kế toán	3,63	75	Khá	685.000	
490	2164010211	Hà Tùng Lâm	K24D ĐH Kế toán	3,13	65	Khá	685.000	

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Phân loại	Mức cấp/tháng	Ghi chú
491	2164010211	Lê Thị Nghĩa	K24D ĐH Kế toán	3,4	68	Khá	685.000	
492	2164010194	Mai Ngọc Hà	K24D ĐH Kế toán	3,07	66	Khá	685.000	
493	2164010223	Hà Thị Thư	K24D ĐH Kế toán	3,03	65	Khá	685.000	
494	2164010276	Hoàng Lê Anh Thư	K24E ĐH Kế toán	3,5	71	Khá	685.000	
495	2164020027	Ng Thị Xuân Mai	K24A ĐH QTKD	2,94	75	Khá	685.000	
496	2164020034	Lê Thị Nhung	K24A ĐH QTKD	3,00	72	Khá	685.000	
497	2164020044	Lê Trọng Tấn	K24A ĐH QTKD	3,50	86	Giỏi	735.000	
498	2164020074	Nguyễn Tiến Hưng	K24B ĐH QTKD	2,88	73	Khá	685.000	
499	2164020081	Nguyễn Thị Loan	K24B ĐH QTKD	3,44	80	Giỏi	735.000	
500	2164020085	Phạm Hà My	K24B ĐH QTKD	3,34	85	Giỏi	735.000	
501	2164020097	Ng Thị Thanh Tâm	K24B ĐH QTKD	2,94	79	Khá	685.000	
502	2164020116	Nguyễn Việt Cường	K24C ĐH QTKD	2,88	86	Khá	685.000	
503	2164020122	Trần Thị Ngọc Hân	K24C ĐH QTKD	3,03	75	Khá	685.000	
504	2164020137	Nguyễn Nhật Minh	K24C ĐH QTKD	3,69	90	Xuất sắc	785.000	
505	2164020149	Nguyễn Thị Thắm	K24C ĐH QTKD	2,94	80	Khá	685.000	
506	2164030013	Nguyễn Hồng Đức	K24 ĐH TCNH	2,93	89	Khá	685.000	
507	2164030040	Hà Thu Phương	K24 ĐH TCNH	3,23	85	Giỏi	735.000	
508	2164030041	Vũ Thị tổ Quyên	K24 ĐH TCNH	2,97	65	Khá	685.000	
509	2164010046	Đỗ Thị Tâm	K24 ĐH TCNH	3,23	78	Khá	685.000	
510	2164030061	Đàm Thành Vinh	K24 ĐH TCNH	3,27	87	Giỏi	735.000	
511	2164060022	Lê Khắc Hoàng	K24 ĐH Kinh tế	3,23	89	Giỏi	735.000	
512	2164060029	Nguyễn Thị Ngọc Lan	K24 ĐH Kinh tế	3,37	82	Giỏi	735.000	
513	2164070025	Lê Thị Quỳnh	K24 ĐH Kiểm toán	3,67	80	Giỏi	735.000	
514	2164070026	Hoàng Thị Tú Oanh	K24 ĐH Kiểm toán	3,63	81	Giỏi	735.000	
515	2164070039	Hoàng Huyền Trang	K24 ĐH Kiểm toán	3,47	80	Giỏi	735.000	
516	196C700015	Phạm Thị Trà	K41 CĐ Kế toán	3,33	83	Giỏi	735.000	
517	2166090015	Hoàng Mỹ Duyên	K24 ĐH Tâm lý học	3,15	84	Khá	685.000	
Tổng cộng							371.285.000	

(Ấn định danh sách này có 517 sinh viên, với tổng kinh phí là: 371.285.000đ/tháng)

Trong đó:

Xuất sắc: 188 sinh viên

Giỏi: 247 sinh viên

Khá: 82 sinh viên

Thanh hoá, ngày tháng năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
Lê Hoàng Bá Huyền